

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
(Ban hành theo Quyết định số 324/QĐ-CĐCD ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp)

- 1. Ngành đào tạo:** Quản trị mạng máy tính
- 2. Mã ngành:** 42480202
- 3. Thời gian đào tạo:** 2 năm
- 4. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
- 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa tính bằng đơn vị học trình (ĐVHT):** 102 (ĐVHT)
- 6. Giới thiệu chương trình**

- Văn bằng sẽ được cấp khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp học sinh được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Những nhiệm vụ chính mà người tốt nghiệp có thể thực hiện được :

- Cài đặt, kiểm tra và đặt cấu hình các trạm làm việc của mạng và thiết bị ngoại vi;
- Cài đặt, thiết lập cấu hình và xử lý sự cố các cấu kiện của mạng LAN và WAN như router, bộ chia, chuyển mạch và server;
- Trợ giúp công việc bảo trì các dịch vụ mạng máy tính như Giao thức cấu hình máy chủ động (Dynamic Host Configuration Protocol - DHCP), server tên miền (Domain Name Server – DNS) và các dịch vụ thư mục;
- Xử lý sự cố và duy trì sự ổn định của đường truyền và thiết bị truyền thông;
- Hướng dẫn khách hàng đăng nhập và khai thác các dịch vụ mạng.

- Khái quát nội dung học tập (về lý thuyết, thực hành):

Đào tạo Kỹ thuật viên chuyên ngành Quản trị mạng máy tính có kiến thức và kỹ năng ứng dụng về mạng máy tính và triển khai các dịch vụ mạng như: Các khái niệm và nguyên lý mạng thông tin; tiêu chuẩn và trang thiết bị mạng; nguyên lý, cấu trúc mạng; mạng cục bộ và mạng diện rộng (LAN và WAN); trang thiết bị và công cụ mạng; các phương tiện quản lý mạng; khả năng trang bị mạng; quản lý cấu hình mạng.

Lý thuyết: 871 tiết

Thực hành: 1274 tiết

- Những lợi ích mà chương trình mang lại cho người học về cơ hội việc làm, thu nhập, vị trí làm và cơ hội học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, Kỹ thuật viên Quản trị mạng máy tính có thể tham gia thực hiện các công việc liên quan đến việc phân tích, phát triển, kiểm tra, cài đặt, xác định cấu hình, đảm bảo chất lượng, bổ sung và bảo trì hệ thống, quản lý các hệ thống mạng máy tính trong các cơ quan, tổ chức, các công ty, xí nghiệp sử dụng và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về CNTT.

7. Mục tiêu đào tạo

a). Về kiến thức:

Nắm vững các kiến thức sau:

- Các khái niệm và nguyên lý mạng thông tin;
- Tiêu chuẩn và trang thiết bị mạng;
- Nguyên lý, cấu trúc mạng;
- Mạng cục bộ và mạng diện rộng (LAN và WAN);
- Trang thiết bị và các phương tiện quản lý mạng;
- Khả năng trang bị mạng;
- Quản lý cấu hình mạng.

b). Về kỹ năng:

- Cài đặt, kiểm tra và đặt cấu hình các trạm làm việc của mạng và thiết bị ngoại vi;
- Cài đặt, thiết lập cấu hình và xử lý sự cố các cấu kiện của mạng LAN và WAN như router, bộ chia, chuyển mạch và server;
- Trợ giúp công việc bảo trì các dịch vụ mạng máy tính như Giao thức cấu hình máy chủ động (Dynamic Host Configuration Protocol - DHCP), server tên miền (Domain Name Server – DNS) và các dịch vụ thư mục;
- Xử lý sự cố và duy trì sự ổn định của đường truyền và thiết bị truyền thông;
- Hướng dẫn khách hàng đăng nhập và khai thác các dịch vụ mạng.

c). Thái độ nghề nghiệp:

Có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

8. Khung chương trình đào tạo

8.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Thời gian	
		Số tiết (giờ)	ĐVHT
1	Các học phần chung	330	19
2	Các học phần cơ sở	375	21
3	Các học phần chuyên môn	780	40
4	Thực tập nghề nghiệp	360 (576 giờ)	12
5	Thực tập tốt nghiệp	300 (480 giờ)	10
Tổng cộng		2145	102

8.2. Các học phần của chương trình và thời lượng

TT	Tên học phần	Số tiết (giờ)	Số ĐVHT	Số tiết		Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thảo luận	
I	Các học phần chung	330	19	196	134	
1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	75	5	51	24	I
2	Giáo dục Chính trị	75	5	55	20	I
3	Giáo dục thể chất	60	2	0	60	I
4	Tin học căn bản	60	3	30	30	I
5	Giáo dục pháp luật	30	2	30	0	I
6	Khởi tạo doanh nghiệp	30	2	30	0	III
7	Ngoại ngữ	Chứng chỉ A (Tích lũy ngoài, không tính điểm trung bình)				
II	Các học phần cơ sở	375	21	255	120	
1	Kỹ năng giao tiếp cơ sở	30	2	30	0	I
2	Tin học văn phòng	60	3	30	30	I
3	Kiến trúc máy tính	45	3	45	0	I
4	Kỹ thuật lập trình	75	4	45	30	II
5	Cấu trúc dữ liệu	60	3	30	30	II
6	Anh văn chuyên ngành	45	3	45	0	II
7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	60	3	30	30	II
III	Các học phần chuyên môn	780	40	420	360	
1	Mạng máy tính	75	4	45	30	II
2	Khai thác Internet	60	3	30	30	II
3	Lắp ráp, cài đặt, bảo trì và sửa chữa máy tính	90	4	30	60	II
4	Quản trị mạng	75	4	45	30	III
5	An toàn thông tin	45	3	45	0	III
6	Thiết kế mạng	75	4	45	30	III
7	Định tuyến	60	3	30	30	III
8	Triển khai hệ thống mạng	60	3	30	30	III
9	Khắc phục sự cố mạng	60	3	30	30	III
10	Công nghệ mạng	30	2	30	0	IV
11	Hệ điều hành Linux	60	3	30	30	IV
12	Thiết kế web	90	4	30	60	IV
IV	Thực tập nghề nghiệp	360 (576 giờ)	12	0	360 (576 giờ)	
1	Thực tập nghề nghiệp 1	120 (192 giờ)	4	0	120 (192 giờ)	II

2	Thực tập nghề nghiệp 2	180 (288 giờ)	6	0	180 (288 giờ)	III
3	Thực tập nghề nghiệp 3	60 (96 giờ)	2	0	60 (96 giờ)	IV
V	Thực tập tốt nghiệp	300 (480 giờ)	10	0	300 (480 giờ)	IV
Tổng cộng		2145	102	871	1274	
VI	Thi tốt nghiệp	Hình thức thi		Thời gian làm bài thi		
1	Giáo dục Chính trị	Tự luận		150 phút		
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Tự luận		180 phút		
	Gồm các nội dung sau: Mạng máy tính; Thiết bị mạng; Định tuyến; An toàn thông tin.					
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành		240 phút		

Đông Tháp, ngày tháng năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

(Ban hành theo Quyết định số 324/QĐ-CĐCD ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp)

1. **Ngành đào tạo:** Quản trị mạng máy tính
2. **Mã ngành:** 42480202
3. **Thời gian đào tạo:** 3 năm
4. **Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp Trung học cơ sở
5. **Khối lượng kiến thức toàn khóa tính bằng đơn vị học trình (ĐVHT):** 165(ĐVHT)
6. **Giới thiệu chương trình**

- Văn bằng sẽ được cấp khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp học sinh được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Những nhiệm vụ chính mà người tốt nghiệp có thể thực hiện được :

- Cài đặt, kiểm tra và đặt cấu hình các trạm làm việc của mạng và thiết bị ngoại vi;
- Cài đặt, thiết lập cấu hình và xử lý sự cố các cấu kiện của mạng LAN và WAN như router, bộ chia, chuyển mạch và server;
- Trợ giúp công việc bảo trì các dịch vụ mạng máy tính như Giao thức cấu hình máy chủ động (Dynamic Host Configuration Protocol - DHCP), server tên miền (Domain Name Server – DNS) và các dịch vụ thư mục;
- Xử lý sự cố và duy trì sự ổn định của đường truyền và thiết bị truyền thông;
- Hướng dẫn khách hàng đăng nhập và khai thác các dịch vụ mạng.

- Khái quát nội dung học tập (về lý thuyết, thực hành):

Đào tạo Kỹ thuật viên chuyên ngành Quản trị mạng máy tính có kiến thức và kỹ năng ứng dụng về mạng máy tính và triển khai các dịch vụ mạng như: Các khái niệm và nguyên lý mạng thông tin; tiêu chuẩn và trang thiết bị mạng; nguyên lý, cấu trúc mạng; mạng cục bộ và mạng diện rộng (LAN và WAN); trang thiết bị và công cụ mạng; các phương tiện quản lý mạng; khả năng trang bị mạng; quản lý cấu hình mạng.

Lý thuyết: 904 tiết

Thực hành: 1301 tiết

- Những lợi ích mà chương trình mang lại cho người học về cơ hội việc làm, thu nhập, vị trí làm và cơ hội học tập nâng cao sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, Kỹ thuật viên Quản trị mạng máy tính có thể tham gia thực hiện các công việc liên quan đến việc phân tích, phát triển, kiểm tra, cài đặt, xác định cấu hình, đảm bảo chất lượng, bổ sung và bảo trì hệ thống, quản lý các hệ thống mạng máy tính trong các cơ quan, tổ chức, các công ty, xí nghiệp sử dụng và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về CNTT.

7. Mục tiêu đào tạo

a). Về kiến thức:

Nắm vững các kiến thức sau:

- Các khái niệm và nguyên lý mạng thông tin;
- Tiêu chuẩn và trang thiết bị mạng;
- Nguyên lý, cấu trúc mạng;
- Mạng cục bộ và mạng diện rộng (LAN và WAN);
- Trang thiết bị và các phương tiện quản lý mạng;
- Khả năng trang bị mạng;
- Quản lý cấu hình mạng.

b). Về kỹ năng:

- Cài đặt, kiểm tra và đặt cấu hình các trạm làm việc của mạng và thiết bị ngoại vi;
- Cài đặt, thiết lập cấu hình và xử lý sự cố các cấu kiện của mạng LAN và WAN như router, bộ chia, chuyển mạch và server;
- Trợ giúp công việc bảo trì các dịch vụ mạng máy tính như Giao thức cấu hình máy chủ động (Dynamic Host Configuration Protocol - DHCP), server tên miền (Domain Name Server – DNS) và các dịch vụ thư mục;
- Xử lý sự cố và duy trì sự ổn định của đường truyền và thiết bị truyền thông;
- Hướng dẫn khách hàng đăng nhập và khai thác các dịch vụ mạng.

c). Thái độ nghề nghiệp:

Có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

8. Khung chương trình đào tạo

a. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Thời gian	
		Số tiết (giờ)	ĐVHT
1	Kiến thức văn hóa phổ thông	1020	59
2	Các học phần chung	390	23
3	Các học phần cơ sở	375	21
4	Các học phần chuyên môn	780	40
5	Thực tập nghề nghiệp	360 (576 giờ)	12
6	Thực tập tốt nghiệp	300 (480 giờ)	10
Tổng cộng		3225	165

b. Các học phần của chương trình và thời lượng

TT	Tên học phần	Số tiết (giờ)	Số ĐVHT	Số tiết		Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thảo luận	
I	Kiến thức văn hóa phổ thông	1020	59	988	32	
1	Toán	360		360	0	
2	Lý	210		198	12	
3	Hóa	210		190	20	
4	Ngữ văn	240		240	0	
II	Các học phần chung	390	23	229	161	
1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	120	8	74	46	I
2	Giáo dục Chính trị	90	6	65	25	I
3	Giáo dục thể chất	60	2	0	60	I
4	Tin học căn bản	60	3	30	30	I
5	Giáo dục pháp luật	30	2	30	0	I
6	Khởi tạo doanh nghiệp	30	2	30	0	III
7	Ngoại ngữ	Chứng chỉ A hoặc TOEIC 300 (Tích lũy ngoài, không tính điểm trung bình)				
III	Các học phần cơ sở	375	21	255	120	
1	Kỹ năng giao tiếp cơ sở	30	2	30	0	I
2	Tin học văn phòng	60	3	30	30	I
3	Kiến trúc máy tính	45	3	45	0	I
4	Kỹ thuật lập trình	75	4	45	30	II
5	Cấu trúc dữ liệu	60	3	30	30	II
6	Anh văn chuyên ngành	45	3	45	0	II
7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	60	3	30	30	II
IV	Các học phần chuyên môn	780	40	420	360	
1	Mạng máy tính	75	4	45	30	II
2	Khai thác Internet	60	3	30	30	II
3	Lắp ráp, cài đặt, bảo trì và sửa chữa máy tính	90	4	30	60	II
4	Quản trị mạng	75	4	45	30	III
5	An toàn thông tin	45	3	45	0	III
6	Thiết kế mạng	75	4	45	30	III
7	Định tuyến	60	3	30	30	III
8	Triển khai hệ thống mạng	60	3	30	30	III
9	Khắc phục sự cố mạng	60	3	30	30	III
10	Công nghệ mạng	30	2	30	0	IV
11	Hệ điều hành Linux	60	3	30	30	IV
12	Thiết kế web	90	4	30	60	IV
V	Thực tập nghề nghiệp	360 (576 giờ)	12	0	360 (576 giờ)	
1	Thực tập nghề nghiệp 1	120 (192 giờ)	4	0	120 (192 giờ)	II

2	Thực tập nghề nghiệp 2	180 (288 giờ)	6	0	180 (288 giờ)	III
3	Thực tập nghề nghiệp 3	60 (96 giờ)	2	0	60 (96 giờ)	IV
VI	Thực tập tốt nghiệp	300 (480 giờ)	10	0	300 (480 giờ)	IV
Tổng cộng		3225	165	1892	1333	
VII	Thi tốt nghiệp	Hình thức thi		Thời gian làm bài thi		
a).	<u>Văn hóa</u>					
1	Toán	Tự luận		120 phút		
2	Lý	Trắc nghiệm		60 phút		
3	Hóa	Trắc nghiệm		60 phút		
b).	<u>Chuyên ngành</u>					
1	Giáo dục Chính trị	Tự luận		150 phút		
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Tự luận		180 phút		
	Gồm các nội dung sau: Mạng máy tính; Thiết bị mạng; Định tuyến; An toàn thông tin.					
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành		240 phút		

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2014

HIỆU TRƯỞNG